

Số: /BC-TTNN

Cát Tiên, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG
(Từ ngày 07 tháng 11 đến ngày 13 tháng 11 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Tình hình thời tiết thay đổi nhẹ, ngày nắng, chiều tối và đêm trời nhiều mây không mưa, sáng sớm có sương mù nhẹ, ẩm độ cao thuận lợi cho một số sinh vật hại cây trồng phát sinh phát triển.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà lúa	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Vụ Mùa năm 2024	Chính vụ	Đòng già – trổ bông	115	528
		Ngâm sữa - chắc xanh	110	
		Chín	107	
Vụ Đông Xuân năm 2024	Sớm	Mạ	80	0
		Đẻ nhánh	510	
		Làm đòng - đòng	100	
		Đòng già – trổ bông	10	
	Chính vụ	Mạ	1.035	0
		Đẻ nhánh	280	
Tổng			2.347	528

Ghi chú: Diện tích gieo cấy là diện tích thực tế còn lại trên đồng ruộng, diện tích thu hoạch là diện tích đã thu hoạch được cộng dồn từ khi gieo cấy của vụ.

b) Cây trồng khác

Loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Cây dâu tằm	Các giai đoạn	150,4
Cây điều	Các giai đoạn	5.325
Cây sầu riêng	Các giai đoạn	1.162,95

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SVGH CHỦ YẾU VÀ THIÊN DỊCH

1. Số liệu điều tra phát dục của SVGH cây lúa

Tên SVGH	Cây trồng và GDST	Mật độ sâu, chỉ số bệnh		Tuổi, pha phát dục sâu/cấp bệnh								Tổng
				1	2	3	4	5	6	N	TT	
		TB	Cao	0	1	3	5	7	9			
Rầy nâu	Cây lúa (Đẻ nhánh)	29	200	1	2	3						6
Rầy nâu	Cây lúa (Làm đồng – đồng)	56	220				1					1
Rầy nâu	Cây lúa (Ngâm sữa – chắc xanh)	32	120				1	1				2

Ghi chú: Dòng có dãy số trên là tuổi sâu, N: Nhộng, TT: Trưởng thành; dòng dưới là cấp bệnh.

2. Số liệu theo dõi côn trùng vào trạm giám sát côn trùng thông minh

STT	Tên côn trùng	Thời gian							Tổng cộng	TB/đêm (con)
		4/11/2024	5/11/2024	6/11/2024	7/11/2024	8/11/2024	9/11/2024	10/11/2024		
1	Rầy nâu	2	3	1	4	-	-	-	10	1,4
2	Rầy lưng trắng	1	2	-	-	-	-	-	3	0,4
3	Sâu năn/Muỗi hành	-	1	-	-	-	-	-	1	0,1
4	Bọ xít mù xanh	6	6	-	1	3	1	3	20	2,9
5	Kiến ba khoang	24	29	-	2	1	-	-	56	8,0
6	Bọ cánh cứng Berosus sp.	34	61	18	1	19	9	10	152	21,7
7	Bướm đêm Parapoynx stagnalis	2	4	-	1	1	1	-	9	1,3
8	Dế nhũi	1	3	1	1	1	3	6	16	2,3
9	Bọ dừa	1	-	-	-	-	-	-	1	0,1
10	Aster leaf hopper	-	-	-	-	-	1	-	1	0,1
11	Kiến vương	-	1	-	-	-	-	-	1	0,1
12	Muỗi nước xanh	23	33	12	3	3	4	1	79	11,3
13	Bọ cánh cứng Agelastica alni	-	-	1	-	-	-	-	1	0,1
14	Ruồi hạc	-	1	1	2	-	-	-	4	0,6
15	Thiếu thân xanh	1	-	-	-	-	-	-	1	0,1
16	Muỗi nước xám	13	19	7	1	1	1	-	42	6,0
17	Rầy xanh Empoasca sp.	-	1	1	-	-	-	-	2	0,3
18	Bọ nước Micronecta scholtzi	-	1	-	-	-	-	-	1	0,1
19	Bọ hung vàng	-	-	4	-	-	-	-	4	0,6

III. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ² , cây), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố chủ yếu
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa – Giai đoạn mạ					
1	Rầy nâu	20	150		1, 2, 3	TT PC, TT CT
II	Cây lúa – Giai đoạn đẻ nhánh					
1	Rầy nâu	80	200		2, 3	QN, TT CT
2	Bệnh đạo ôn lá	2,5	4	5-24	1, 3	GV
3	Sâu cuốn lá	2	5		1, 2	TT CT
4	Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn	2	6		1, 3	TT PC
III	Cây lúa – Giai đoạn làm đòng - đòng					
1	Rầy nâu	180	220		3, 4	QN
2	Bệnh đạo ôn lá	1,5	2,5		1, 3	QN
IV	Cây lúa – Giai đoạn Đòng già – trổ bông					
1	Rầy nâu	90	160		4, 5	GV
V	Cây lúa – Giai đoạn Ngậm sữa – chắc xanh					
1	Rầy nâu	90	120		4, 5	GV
VI	Cây lúa – Giai đoạn Chín					
1	Rầy nâu	20	50		4, 5	GV, NN
2	Bệnh đạo ôn cổ bông	1	2	3-4		GV, TH
VII	Cây điều – Các giai đoạn					
1	Bọ xít muỗi	3,5	4,1	5,3 – 7	2	TT.PC, PC2, GV, TH, NN, QN
2	Bệnh thán thư	3,4	4,2	5,6 – 7,8	1, 3	TTPC, GV, TH, QN, NN
VIII	Cây dâu tằm – Các giai đoạn					
1	Ve sầu nhảy	9	9		TT	TT. CT, QN
2	Bệnh gỉ sắt	6	8		1	TT. CT, QN

IX Cây sầu riêng – Các giai đoạn						
1	Bệnh nứt thân, xì mủ (Bệnh chảy gôm)	3	4	5 - 8	1, 3	ĐP, TH
2	Bệnh thối rễ	1	2	3 - 4	1, 3	ĐP

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố chủ yếu
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Cây điều – Các giai đoạn								
1	Bọ xít muỗi	171				171	30	TT.PC, PC2, GV, TH, NN, QN
2	Bệnh thán thư	168				168	75	TT.PC, GV, TH, NN, QN
II Cây sầu riêng – Các giai đoạn								
1	Bệnh nứt thân, xì mủ (Bệnh chảy gôm)	15				15	12	ĐP, TH
2	Bệnh thối rễ	2				2	2	ĐP
III Cây lúa –Giai đoạn làm đòng - đòng								
1	Bệnh đạo ôn lá	1		0,3		1,3	2	GV
2	Bệnh đạo ôn cổ bông	5				5	0	GV

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

a) Cây lúa

Cây lúa vụ Mùa 2024 chủ yếu ở giai đoạn chắc xanh – chín, nông dân đang tập trung thu hoạch, diện tích thu hoạch 528/860 ha, đạt 61,4% kế hoạch. Cây lúa vụ Đông Xuân 2024 – 2025 nông dân đang tập trung xuống giống, diện tích xuống giống 2.015/4.008 ha đạt 50,3% kế hoạch, chủ yếu ở giai đoạn mạ - đẻ nhánh, sinh trưởng phát triển tốt, nông dân đang tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Rầy nâu ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ với mật độ (10-220 con/m²) rải rác trên địa bàn các xã, thị trấn. Bệnh đạo ôn lá tăng nhẹ, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ rải rác tại xã Gia Viễn và xã Quảng Ngải, ngoài ra hại nhẹ khoảng 1 ha với tỷ lệ (5-7%) và hại nặng cục bộ 0,3 ha với tỷ lệ (20-24%) tại xã Gia Viễn. Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn giảm, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (2-6%) tại thị trấn Phước Cát. Bệnh đạo ôn cổ bông tăng nhẹ, hại nhẹ 5 ha với tỷ lệ (3-4% tại xã Gia Viễn. Sâu cuốn lá xuất hiện ở mức độ dưới nhẹ tại thị trấn Cát Tiên với mật độ (2-5 con/m²).

b) Cây dâu tằm

Cây dâu tằm sinh trưởng phát triển tốt, ve sầu nhảy ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (7-9%); bệnh gỉ sắt tăng nhẹ, ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (6-8%) tại xã Quảng Ngãi và thị trấn Cát Tiên.

c) Trên cây điều

Cây điều sinh trưởng phát triển bình thường, nông dân đang tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Bọ xít muỗi và bệnh thán thư ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ. Ngoài ra, bọ xít muỗi hại nhẹ 171 ha với tỷ lệ (5,3-7%) rải rác tại các xã Tiên Hoàng, Gia Viễn, Phước Cát 2, Nam Ninh, Quảng Ngãi và thị trấn Phước Cát; Bệnh thán thư hại nhẹ 168 ha với tỷ lệ từ (5,6-7,8%) chủ yếu tại các xã Gia Viễn, Tiên Hoàng, Nam Ninh, Quảng Ngãi và thị trấn Phước Cát.

d) Cây sầu riêng

Cây sầu riêng sinh trưởng phát triển bình thường, nông dân tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Bệnh nứt thân xì mủ ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ, ngoài ra hại nhẹ khoảng 15 ha với tỷ lệ (5-8%) rải rác tại xã Đức Phổ và Tiên Hoàng. Bệnh thối rễ tăng nhẹ, hại nhẹ khoảng 1 ha với tỷ lệ (3-4%) tại xã Đức Phổ.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo tình hình thời tiết và SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Dự báo trong 7 ngày tới, tình hình thời tiết thay đổi nhẹ, ngày nắng, chiều tối trời nhiều mây có mưa rải rác, sáng sớm có sương mù nhẹ.

Trên cây lúa: Rầy nâu ít biến động, bệnh vàng lá do ngộ độc phèn, sâu cuốn lá và bệnh đạo ôn lá tăng nhẹ, bệnh đạo ôn cổ bông giảm.

Trên cây điều: Bệnh thán thư và bọ xít muỗi có khả năng ít biến động.

Trên cây dâu tằm: Ve sầu nhảy và bệnh gỉ sắt có khả năng ít biến động.

Trên cây sầu riêng: Bệnh nứt thân xì mủ và bệnh thối rễ có khả năng ít biến động.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa: Tập trung thu hoạch cây lúa vụ Mùa năm 2024, sau thu hoạch tiến hành vệ sinh đồng ruộng, xử lý tàn dư thực vật và xuống giống vụ Đông Xuân năm 2024-2025 đảm bảo lịch thời vụ và cơ cấu giống. Bón phân cân đối NPK phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng, không bón dư phân đạm, chú trọng sử dụng các loại phân hữu cơ như phân hữu cơ đầu trâu, phân hữu cơ vi sinh,... giúp tăng khả năng đề kháng của cây lúa đối với sâu bệnh hại; thăm đồng thường xuyên phát hiện sâu bệnh sớm để phòng trừ kịp thời.

+ Sử dụng chế phẩm nấm xanh *Metarhizum Anisoplie* ngay từ giai đoạn cuối đẻ nhánh – làm đồng trở đi khi rầy nâu mới xuất hiện; khi rầy nâu gia tăng thì sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Reasgant 3.6EC, Shertin 5.0EC, Actara® 25WG,... để phòng trừ.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Anvil® 5 SC, Bump 650WP, Filia® 525 SE,... để phòng trừ bệnh đạo ôn hại lúa.

- Trên cây điều: Cần tập trung chăm sóc, vệ sinh vườn đồi điều thông thoáng, theo dõi sự phát sinh phát triển của sâu bệnh và phòng trừ kịp thời, đặc biệt là bọ xít muỗi và bệnh thán thư.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Norshield86.2WG, Tungvil 5SC, Map super 300EC, Indiavil 5 SC,... để phòng trừ bệnh thán thư hại điều.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Plutel 5 EC, Reasgant 3.6 EC, Alfacua 10 EC, Cyperan 10 EC,... để phòng trừ bọ xít muỗi hại điều.

- Trên cây dâu tằm: Cần vệ sinh vườn thông thoáng, bón phân cân đối NPK, phòng trừ sâu bệnh kịp thời và hái lá đúng tuổi để nuôi tằm đảm bảo thời gian cách ly.

- Trên cây sầu riêng: Cần bón phân đầy đủ, cân đối phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cây. Tăng cường bổ sung phân hữu cơ hoai mục kết hợp nấm *Trichoderma* sp, *Paecilomyces* sp, nấm cộng sinh *Rhizomyx*. Đối với bệnh xì mủ sử dụng một trong các loại thuốc bảo vệ thực vật như: Binyvil 70WP, Sprayphos 620SL, Aliette 800WG, Agri-fos 400 + Metalaxyl 500WP, Agri - fos 400 + Ridomil Gold 68 WP,... phòng trừ ngay khi bệnh mới xuất hiện.

Đề nghị UBND các xã, thị trấn phối hợp khuyến cáo trên các kênh thông tin và chỉ đạo nhân dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Khuyến nông viên theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Cát Tiên;
- Chi cục TT- BVTV Lâm Đồng;
- Phòng NN & PTNT huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- TTVH-TT và Thể thao huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các Phó Giám đốc, viên chức;
- Lưu: VT, tổ TT-BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bá Bình